TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2024/HC-PT
Ngày: 01/7/2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Hồ Sỹ Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến vụ án hành chính phúc thẩm, thụ lý số 146/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HCST ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6726/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa:

** Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Xuân N, sinh năm 1952; có mặt;

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

* *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng V; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá Đ; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1967, có mặt;

Địa chỉ: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Xuân N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Ngày 25/11/2010, UBND tỉnh có Công văn số 7419/UBND-CN về việc bồi thường để nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A qua tỉnh Nghệ An. Đoạn mở rộng có đi qua phần diện tích đất gia đình ông N nhưng việc đền bù chưa thỏa đáng. Ông N làm đơn khiếu nại, ngày 12/2/2015, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định 559/QĐ-UBND về việc trả lời phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt đường dự án trên đối với hộ gia đình ông N đã được UBND huyện N ban hành phương án bồi thường tổng số tiền là 1.123.550.443 đồng (bao gồm 4 đợt) không bồi thường diện tích đất. Không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện N, ông N tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/4/2016, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1502 QĐ-UBND. KT giải quyết khiếu nại với diện tích không bồi thường là 67m^2 và giữ nguyên Quyết định số 559/QĐ-UBND của UBND huyện N. Ông N không đồng ý vì diện tích đất trên do diện tích ông khai hoang lớn hơn nhiều so với diện tích 67m^2 ghi trong Quyết định. Ngày 10/11/2020 UBND tỉnh N ra Quyết số 4000/QĐ-UBND về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT của Chủ tịch UBND tỉnh N với diện tích không bồi thường cho ông N là 388m^2 và giữ nguyên quyết định của UBND huyện N. Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ông Nguyễn Xuân N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện N giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N.

- Hủy toàn bộ nội dung Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N.

- Huỷ toàn bộ nội dung Quyết định số 4000/QĐ-UBND của Phó Chủ tịch UBND tỉnh N về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1502.

- Buộc UBND huyện N và UBND tỉnh N công nhận diện tích đất gia đình ông khai hoang và đền bù thỏa đáng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Xuân N trình bày: Năm 1977 sau khi đi bộ đội về ông N ra ven sông gần kênh N tại xóm D, xã N, huyện N khai hoang đất ở ổn định từ đó cho đến khi mở đường Quốc lộ 1A. Diện tích ông N khai hoang gồm, đất ở là 500m^2, nhà cho trâu bò và diện tích đất ao là 1.200m^2 gồm có 6 cái ao để nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi. Diện tích trên ông sinh sống lâu dài, ổn định không có tranh chấp, khiếu kiện, không bị thu hồi. Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Q, UBND huyện N đã thu hồi đất của gia

đình ông và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Theo đó, gia đình ông được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 1.123.550.443 đồng nhưng không bồi thường diện tích đất là 388m^2; ông N cho rằng diện tích đất của ông bị thu hồi đủ điều kiện để được bồi thường vì diện tích đất 388m^2 của ông N đã sinh sống lâu dài từ năm 1977 đến nay.

Vì vậy ông Nguyễn Xuân N khởi kiện yêu cầu giải quyết các nội dung trên.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh N trình bày: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Xuân N về yêu cầu hủy các Quyết định 559/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện N; Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N và Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT của Chủ tịch UBND tỉnh N, bởi các căn cứ sau:

Ngày 08/4/2016, Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT về việc giải quyết khiếu nại của 5 công dân trú tại xóm D, xã N, huyện N (trong đó có ông Nguyễn Xuân N). Quyết định đã làm rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân N và 4 hộ công dân khiếu nại như sau: Trước năm 1982, các hộ ra khai hoang sử dụng làm lều quán tạm để bán nước, sửa xe đạp, với diện tích khoảng 7-8m^2, bám sát mép đường Q (lúc đó mặt đường Q là 6m và chưa có quy định hành lang giao thông).

Sau năm 1982, quá trình sử dụng đất các hộ tự di dời vị trí ốt quán ra phía sau. Năm 1996, nhà nước mở rộng đường Q thì đã mở rộng trên diện tích đất mà các hộ đã khai hoang sử dụng từ trước năm 1982. Phần diện tích đất ông Nguyễn Xuân N đang khiếu nại tính từ mốc PMU1 đến mốc GPMB thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A (theo trích đo hiện trạng sử dụng đất của các hộ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện N thực hiện ngày 26/5/2011, được UBND huyện N phê duyệt ngày 30/5/2011) thì hộ ông Nguyễn Xuân N 67m^2 (388m^2) do các hộ dịch chuyển vị trí, lấn chiếm sử dụng sau ngày 21/12/1982 (sau khi có Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng có hiệu lực). Phần diện tích đất này không được cấp có thẩm quyền giao đất, không nộp tiền để được sử dụng đất và không được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Năm 1994, UBND huyện N quy hoạch phân lô đất ở diện tích đất phía sau phần đất các hộ đang sử dụng làm lều quán, cách tim đường Q 27m (theo đúng hành lang an toàn quy định tại Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng) để giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các hộ gia đình có nhu cầu về đất ở. Phần diện tích được giao theo quy hoạch các hộ đã được cấp GCNQSD đất. Việc giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A chưa thu hồi đến phần đất mà các hộ được UBND huyện N giao đất, cấp GCNQSD đất.

Như vậy, việc ông Nguyễn Xuân N khiếu nại, yêu cầu UBND huyện N bồi thường phần diện tích đất để làm ốt quán tính từ mốc PMU1 trở ra đến mốc giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A là khiếu nại sai, bởi vì: Phần diện tích đất các hộ đang khiếu nại (trong đó có ông Nguyễn Xuân N) tính từ mốc PMU1 đến mốc GPMB thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ A do các hộ dịch chuyển vị trí, lấn chiếm sử dụng sau ngày 21/12/1982; không được cơ quan có thẩm quyền cấp đất, không nộp tiền để được sử dụng đất và không được cấp GCNQSD đất. Thời điểm sử dụng đã vi phạm hành lang an toàn giao thông theo quy định tại Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ, nên không được bồi thường theo quy định tại Điều 44, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ (có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp mở rộng quốc lộ A đối với các hộ khiếu nại nêu trên).

Các quyết định nêu trên được ban hành đúng quy định của pháp luật, nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân N không có căn cứ chấp nhận, Chủ tịch UBND tỉnh N đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND huyện N trình bày: Năm 2012-2015, thực hiện dự án nâng cấp Quốc lộ A đi qua địa bàn các xã của huyện N có ảnh hưởng đến tài sản, đất đai của một số hộ dân. Trong quá trình đền bù GPMB có các hộ dân, có 05 công dân (trong đó có ông Nguyễn Xuân N) thuộc xóm D, xã N không thống nhất với phương án mà Hội đồng GPMB, UBND huyện N phê duyệt.

Năm 2014, các hộ có đơn khiếu nại lên UBND huyện N. Ngày 26/8/2014, UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 1462/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại của công dân thị trấn Q, xã N, xã N với nội dung liên quan bồi thường GPMB nâng cấp đường Quốc lộ 1A chưa đúng quy định. Cụ thể, ông Nguyễn Xuân N và 04 hộ dân xã N khiếu nại UBND huyện N không lập hồ sơ bồi thường về đất bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp đường Q cho các gia đình. Theo các hộ thì nguồn gốc sử dụng là ốt quán và đất trồng cây từ năm 1977.

Thực hiện Quyết định của UBND huyện, ngày 31/12/2014, đoàn thanh tra của huyện ban hành báo cáo số 01/BC-ĐTTr báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại của các hộ dân xã N, huyện N. Ngày 12/2/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 559/QĐ.UBND về việc giải quyết khiếu nại của 5 công dân xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (lần đầu) với nội dung:

Hội đồng bồi thường GPMB huyện đã lập hồ sơ bồi thường cho 5 hộ gồm ông Nguyễn Văn S, ông Hoàng Xuân Đ1, bà Hoàng Thị N1, ông Nguyễn Hùng P và ông Nguyễn Xuân N xóm D, xã N 80% giá trị tài sản + cây cối hoa màu + hỗ trợ khác. Các hộ này không được lập hồ sơ bồi thường tiền đất đối với phần diện tích làm ốt quán và trồng cây nằm trong hành lang an toàn giao thông từ chỉ giới đất được giao cho các hộ đến tim đường Q là 27m. Nguồn gốc đất của 5 hộ là được UBND xã N và UBND huyện N có mặt bằng quy hoạch và giao đất

ở cho các hộ sử dụng từ năm 1993, khi giao cho các hộ cách tim đường Quốc lộ 1A 27m. Các hộ sử dụng phần phía trước đất được giao làm ốt và trồng cây là do các hộ xây dựng lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường Q.

Vì vậy, việc các hộ khiếu nại yêu cầu bồi thường tiền đất đối với diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông 27m là không có cơ sở. Vì diện tích đất giải phóng mặt bằng nâng cấp đường Quốc lộ 1A không ảnh hưởng đến diện tích đất ở mà các hộ được giao năm 1994.

Căn cứ Quy định tại Điều 5, Điều 15, Điều 16, Điều 18, Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 của UBND tỉnh N ban hành quy định về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Hội đồng bồi thường GPMB huyện đã lập hồ sơ đền bù cho 5 hộ trong đó ông Nguyễn Xuân N xóm D, xã N 80% giá trị tài sản + cây cối hoa màu + hỗ trợ khác mà không bồi thường tiền đất ốt đối với phần diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông từ chỉ giới đất được giao cho các hộ đến tim đường Quốc lộ 1A 27m là đúng quy định của pháp luật; 05 công dân xã N khiếu nại UBND huyện là khiếu nại sai, ông Nguyễn Xuân N yêu cầu: Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 12/2/2015 của Chủ tịch UBND huyện N trả lời giải quyết đơn giải quyết của ông Nguyễn Xuân N; Hủy bỏ toàn bộ nội dung Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT của Chủ tịch UBND tỉnh N giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N và huỷ toàn bộ nội dung Quyết định số 4000/QĐ-UBND của Phó Chủ tịch UBND tỉnh N về việc điều chỉnh Quyết định số 1502, UBND huyện N không đồng ý.

Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 11 tháng 4 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 74; Điều 75; Điều 83; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Luật đất đai năm 1987; Nghị định số 203-HĐBT, ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng; Điều 19; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 18; Điều 27; Điều 29; Điều 30; Điều 31 Luật Khiếu nại;

Tuyên xử: Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân N về yêu cầu hủy: Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện N trả lời khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N; Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N; Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc điều chỉnh Quyết định số 1502 và yêu cầu của ông Nguyễn Xuân N về việc buộc UBND huyện N và UBND tỉnh N công nhận diện tích đất gia đình ông khai hoang và đền bù thỏa đáng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/4/2023, người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân N có đơn kháng

cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Ông Nguyễn Xuân N và bà Phạm Thị C thống nhất trình bày: Cơ bản giữ nguyên như ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đất của gia đình ông sử dụng từ năm 1977 là do gia đình ông tự do ra ở không có chủ trương nào của Nhà nước; năm 1980 có thông báo mở rộng Quốc lộ A nhưng gia đình ông không được đền bù, mặc dù Nhà nước có thông báo mở rộng đường, nhưng không thực hiện; đến năm 1996 Nhà nước tiếp tục có thông báo thu hồi đất để mở rộng đường, gia đình ông có được đền bù về tài sản, đến năm 2010 tiếp tục có thông báo thu hồi đất để mở rộng đường, gia đình ông bị thu hồi đất nên được đền bù. Quá trình sử dụng gia đình ông không kê khai, đăng ký để cấp GCNQSD đất; đối với thửa đất gia đình mua năm 1994 không liên quan gì đến thửa đất này. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là không có căn cứ; đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân N là đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện không xuất trình được tài liệu nào mới để bảo vệ cho quan điểm của mình nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về tố tụng:*

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính là Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N (lần 1); Quyết định số 1502/QĐ-UBND.KT ngày 08/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh N về giải quyết khiếu nại của ông N (lần hai); Quyết định số 4000/QĐ-UBND, ngày 10/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh N về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1502, đồng thời yêu cầu UBND huyện N và UBND tỉnh N phải công nhận diện tích đất gia đình ông khai hoang và đền bù thỏa đáng. Đây là quyết định hành chính,

hành vi hành chính của Chủ tịch và UBND huyện N và Chủ tịch UBND tỉnh N, vụ việc thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Ngày 08/4/2016 Chủ tịch UBND tỉnh N ban hành Quyết định 1502, đến ngày 27/3/2017 ông Nguyễn Xuân N có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đang trong thời hạn một năm, nên đang trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30, Điều 32 và Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án: Tòa cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ yêu cầu khởi kiện thì ngoài khởi kiện Quyết định số 1502 của Chủ tịch UBND tỉnh N, người khởi kiện còn khởi kiện cả Quyết định số 559 của Chủ tịch UBND huyện N, nên Chủ tịch UBND huyện N phải là người bị kiện, nhưng lại xác định Chủ tịch UBND huyện N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chuẩn xác, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xác định Chủ tịch UBND huyện N là đương sự trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đưa vào tham gia tố tụng, nên quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện N đã được bảo đảm, nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Quá trình giải quyết vụ án, một số đương sự vắng mặt, nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền có mặt, hoặc đã có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Theo hồ sơ quản lý đất đai của ông Nguyễn Xuân N thể hiện: Trước năm 1982 một số người dân tự ra sử dụng đất để làm lều, quán bán hàng tạm với diện tích nhỏ chỉ khoảng từ 7 đến 8m^2, bám đường Q. Thời điểm này mặt đường Q chỉ 6m (chưa có quy định về hành lang an toàn giao thông); quá trình sử dụng các hộ tự ý di dời, thay đổi vị trí sử dụng đất lùi ra phía sau từ sau năm 1982. Tại phiên tòa phúc thẩm, chính ông N đã thừa nhận từ năm 1980 đã có việc thông báo mở đường, gia đình ông đã bị dỡ nhà để xác định ranh giới đường bộ. Năm 1996, Nhà nước mở rộng Quốc lộ A đã mở rộng ra trên diện tích đất mà các hộ đã tự ý lấn chiếm, sử dụng trước năm 1982. Phần diện tích đất ông Nguyễn Xuân N đang khiếu nại tính từ mốc PMU1 đến mốc giải phóng mặt bằng (theo trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 26/5/2011, được UBND huyện N phê duyệt ngày 30/5/2011) thì hộ ông Nguyễn Xuân N là 388m^2 ; diện tích này được xác định là do dịch chuyển sau ngày 21/12/1982 là ngày Nghị định số 203-HĐBT có hiệu lực pháp luật. Hồ sơ quản lý đất đai thể hiện phần diện tích đất này không được cấp có thẩm quyền giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N, cũng như gia đình ông N không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Ông Nguyễn Xuân N cho rằng phần diện tích đất này do gia đình ông khai hoang, sử dụng từ trước năm 1982 nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh; quá trình sử dụng gia đình ông

không kê khai, đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ quản lý đất đai chỉ thể hiện được; năm 1994, UBND huyện N quy hoạch phân lô đất ở diện tích đất phía sau phần đất các hộ đang sử dụng làm lều quán, cách tim đường Q 27m (theo đúng quy định của Nghị định 203) để giao đất có thu tiền sử dụng đất cho các hộ có nhu cầu về đất ở; phần diện tích đất giao này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ tài liệu khi thu hồi đất thì dự án nâng cấp Quốc lộ A chưa thu hồi đến diện tích đất được Nhà nước giao hợp pháp này, nên diện tích đất của ông N được giao năm 1994 bị ảnh hưởng bởi dự án. Như vậy, việc gia đình ông N làm ốt, trồng cây trên diện tích 388m^2 là lấn chiếm hành lang an toàn giao thông Quốc lộ A, nên không được bồi thường về đất là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc UBND huyện N đã ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi thu hồi đất đối với gia đình ông N là đúng pháp luật.

[4] Xem xét tính hợp pháp của Quyết định 559, thấy: Do không đồng ý với việc thu hồi đất, kết quả phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ A trên địa bàn tỉnh Nghệ An; ông Nguyễn Xuân N đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện N, sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện N đã thụ lý đơn khiếu nại, ngày 26/8/2014 ban hành Quyết định số 1562/QĐ-UBND về thành lập đoàn xác minh nội dung đơn khiếu nại; các cơ quan chuyên môn đã tổ chức xác minh, tiến hành đối thoại với người khiếu nại; trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại thấy rằng việc khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện N đã ban hành Quyết định số 559 về việc giải quyết khiếu nại của ông N. Theo đó, như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện N thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường về đất cho hộ ông N đã đúng quy định của pháp luật, nên Chủ tịch UBND huyện N đã không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông N là có căn cứ.

[5] Đối với Quyết định 1502 và Quyết định 4000, thấy: Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N, ông Nguyễn Xuân N tiếp tục có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh N; sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND tỉnh N đã thụ lý đơn khiếu nại; thành lập tổ xác minh, tiến hành đối thoại với người khiếu nại; trên cơ sở kết quả xác minh, đối thoại; Tổ xác minh đã có Báo cáo số 1400/STNMT-TTr ngày 25/3/2016, căn cứ vào báo cáo của tổ xác minh, Chủ tịch UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 1502 giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Xuân N. Theo đó, như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện N thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường đúng quy định của pháp luật, khiếu nại của ông Nguyễn Xuân N không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện N đã không chấp nhận khiếu nại của ông N là phù hợp. Tuy nhiên, do sơ suất trong quá trình cập nhật, ghi nhận thông tin khiếu nại thể hiện ông N chỉ khiếu nại diện tích đất 67m^2 là không đúng, sau khi kiểm tra, rà soát lại xác định ông N khiếu nại liên quan đến diện tích đất là 388m^2, nên Chủ tịch UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 4000 để điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1502 theo đúng diện tích ông N khiếu nại là 388m^2 là đúng với thực tế.

Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng trình tự, quy định của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; ông N kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra ông N phải nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nhưng ông N là người cao tuổi, thuộc đối tượng được miễn án phí, ông N đã có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí phúc thẩm cho ông N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân N; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HCST ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Xuân N.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**** Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm